

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2021

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Văn Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tất Bấy.

2. Ông Giáp Văn Phẩm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021 về việc: “Không công nhận quan hệ vợ chồng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1970; trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm 1973; trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/8/2021 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông và bà Đỗ Thị H kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc vào năm 1991, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn do hiểu biết pháp luật hạn chế. Sau khi kết hôn ông và bà H sống chung tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đến năm 2000 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông bị bệnh tật nhưng bà H không quan tâm chăm sóc. Ông và bà H đã ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Ông đã được Tòa án giải thích

về việc không đăng ký kết hôn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H.

Về con chung: Ông và bà H có một con chung là anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1992. Nay con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày tại Bản tự khai ngày 13/8/2021:

Bà và ông Nguyễn Văn N kết hôn với nhau vào ngày 20/10/1991 (âm lịch), trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Cưới xong bà và ông Ngọc sống chung tại thôn T, xã T, huyện L tỉnh Bắc Giang đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống thường xảy ra đánh, cãi nhau. Bà và ông Ngọc đã ly thân từ năm 2019 đến nay, từ đó không liên lạc, không hỏi thăm gì nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay bà thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng. Bà đã được Tòa án giải thích về việc không đăng ký kết hôn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Ngọc.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn N có một con chung là Nguyễn Trung T, sinh năm 1992. Nay con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà và ông Ngọc tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bị đơn bà Đỗ Thị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai của ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị H có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự; Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N: Không công nhận ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị H là vợ chồng.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Đỗ Thị H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2]. Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn N và bị đơn bà Đỗ Thị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị H.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn, qua xác minh tại địa phương và tại UBND xã Trù Hựu, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang thì ông Ngọc và bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 và có một người con chung. Hiện nay tại UBND xã Trù Hựu, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang không còn lưu trữ sổ sách về việc đăng ký kết hôn trước năm 2000; tra cứu tại sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn giai đoạn từ năm 2000 đến nay thì không có thông tin về việc đăng ký kết hôn giữa ông Ngọc và bà H. Do đó quan hệ hôn nhân giữa ông Ngọc và bà H không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Trong quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, phía nguyên đơn ông Nguyễn Văn N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H. Quá trình hòa giải, ông Ngọc vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Phía bị đơn bà Đỗ Thị H cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ngọc. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị H có một con chung là Nguyễn Trung T, sinh năm 1992. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì các đương sự không yêu cầu xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N: Không công nhận ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị H là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số: 0010334 ngày 11 tháng 8 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Khoản tiền này được chuyển thành án phí. Xác nhận ông Nguyễn Văn N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tông đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(đã ký)

Khúc Văn Bằng